

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên

Trả lời công văn số 1474/CT-TT&HT ngày 23/12/2008 của Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên về một số vướng mắc khi thực hiện Luật Quản lý thuế, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về kê khai số liệu tại mẫu biểu số 01/HTBT và số 01-1/HTBT ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính:

Theo ví dụ tại công văn số 1474/CT-TT&HT nêu trên: nếu số thuế GTGT phát sinh đầu ra 30.000.000 đ, số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 100.000.000 đồng, số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết 70.000.000 đồng, số thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này 50.000.000 đ. Còn lại 20.000.000 đ thuế GTGT chưa được khấu trừ hết sẽ tiếp tục chuyển qua kỳ sau. Như vậy, việc kê khai mẫu biểu như sau:

1.1/ Mẫu số 01/HTBT:

- Mục II, chi tiêu số 2 “Số tiền thuế/phí phải nộp”: 0 đ.
- Mục II, chi tiêu 3 “Số tiền thuế/phí đã nộp (hoặc đã được khấu trừ)”: 0 đ.
- Mục II, chi tiêu 4 “Số tiền thuế/phí đề nghị hoàn”: 50.000.000 đ.

1.2/ Mẫu số 01-1/HTBT:

- Chi tiêu số 1 “Số thuế phát sinh đầu ra”: 30.000.000 đ.
- Chi tiêu số 2 “Số thuế đầu vào được khấu trừ”: 100.000.000 đ.
- Chi tiêu số 3 “Số thuế đã nộp”: 0 đ.
- Chi tiêu số 4 “Số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị được hoàn lại”: 50.000.000 đ

Số liệu ghi tại 02 mẫu biểu này chỉ phản ánh số đề nghị được hoàn. Cơ sở số liệu đề lập 02 mẫu biểu 01/HTBT và 01-1/HTBT là Tờ khai thuế GTGT hàng tháng (mẫu số 01/GTGT tại Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính). Tại mẫu số 01/GTGT của tháng lập hồ sơ hoàn thuế GTGT, doanh nghiệp phải ghi số thuế GTGT đề nghị hoàn này vào ô mã số [42]. Số thuế đầu vào lớn hơn đầu ra chưa được khấu trừ hết và không được đề nghị hoàn còn lại là 20.000.000 đ, doanh nghiệp phải ghi vào ô mã số [43] (nếu sử dụng chương trình phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế thì chương trình sẽ tự động ghi). Không phản ánh số thuế GTGT còn được khấu trừ 20.000.000 đ vào 02 mẫu biểu 01/HTBT và 01-1/HTBT nêu trên. Đồng thời, việc kiểm tra hồ sơ hoàn thuế GTGT phải được kết hợp với kiểm tra số liệu tại Tờ khai thuế GTGT hàng tháng (mẫu số 01/GTGT tại Thông tư số 32/2007/TT-BTC phản ánh đầy đủ số liệu về tình trạng thuế GTGT tại thời điểm doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT).

2. Về nghĩa vụ thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam:

Điểm 2, Mục II, Phần C Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn: “Trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày thực hiện thanh toán tiền cho Nhà thầu nước ngoài, Bên Việt Nam lập tờ khai, xác định số thuế GTGT và thuế TNDN Nhà thầu nước ngoài phải nộp (Phụ lục số 02-NTNN ban hành kèm theo Thông tư này) và thực hiện nộp số thuế đã kê khai vào Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài có các Nhà thầu phụ nước ngoài thì Bên Việt Nam xác định số thuế GTGT, thuế TNDN Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài phải nộp và khấu trừ, nộp hộ Nhà thầu nước ngoài và Nhà thầu phụ nước ngoài”.

Như vậy, đối với trường hợp nêu trên, Bên Việt Nam (khấu trừ, nộp hộ Nhà thầu nước ngoài và Nhà thầu phụ nước ngoài) sẽ sử dụng mẫu kê khai là Phụ lục số 02-NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 05/2005/TT-BTC nêu trên (Phụ lục số 02-NTNN có tên là “Tờ khai tạm nộp thuế Nhà thầu nước ngoài”, được sử dụng khi Bên Việt Nam thực hiện việc thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài và không phải là Tờ khai quyết toán thuế năm hoặc khi kết thúc hợp đồng). Ngoài ra, chỉ có số thuế GTGT, thuế TNDN bị truy thu (căn cứ vào các Biên bản, Quyết định truy thu, Quyết định phạt) thì Bên Việt Nam mới không được khấu trừ vào số thuế GTGT phải nộp và không được tính vào chi phí khi xác định doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Từ ngày 01/7/2007, việc kê khai, nộp thuế cho các Nhà thầu nước ngoài của Bên Việt Nam ký hợp đồng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính. (Mẫu số 02/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC là mẫu “Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài” - khác với Phụ lục số 02-NTNN của Thông tư số 05/2005/TT-BTC nêu trên).

Từ ngày 01/01/2009, nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.

3. Về việc cấp mã số doanh nghiệp cho chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/7/2008 của Liên bộ Kế hoạch và đầu tư - Tài chính - Công an:

Ngày 09/4/2009 Bộ Kế hoạch và Đầu tư có công văn số 2344/BKH-PTDN đề xuất phương án tạm thời về việc cấp mã số thuế cho Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Doanh nghiệp đặt trụ sở tại địa phương khác nơi Doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Ngày 22/5/2009 Bộ Tài chính đã có công văn số 7288/BTC-TCT đồng ý với đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nêu tại công văn số 2344/BKH-PTDN nêu trên.

Trong khi chưa có quy định mới, trình tự nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế cho Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Doanh nghiệp đề nghị Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 7288/BTC-TCT của Bộ Tài chính và công văn số 2344/BKH-PTDN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nêu trên.

Tổng cục Thuế trả lời đề Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên được biết

Nơi nhận: -

- Như trên/
- Ban: PC, CS:
- Lưu: VT, KK (3b)✓

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Bùi Văn Nam

09601176